

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-PT
Ngày 12-8-2020
V/v “Tranh chấp yêu cầu chia di sản
thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông

Các Thẩm phán: Ông Trần Hồng Hải

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuận - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 01/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020; do có kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, bị đơn bà Nguyễn Thị H và người liên quan ông Nguyễn Văn T đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

- Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Thôn Tân Phố, xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

- Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Xóm Hưng Bình, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

- Bà Nguyễn Thị K; địa chỉ: Thôn Nhân Phố, xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B: Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Xóm Y, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Xóm Yên Bình, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn N; địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

- Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Xóm Yên Bình, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Trợ giúp viên pháp lý nhà nước của ông Nguyễn Văn T: Bà Trịnh Diệu Oanh
- Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh.

- Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị H: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

- Đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L gồm có năm người con: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T. Năm 2002, ông T cùng các con thống nhất viết giấy ủy quyền sử dụng đất vườn ở cho vợ, chồng bà H, ông T1 (bà H là con đầu) được sử dụng toàn bộ mảnh vườn của ông T, nhưng với điều kiện bà H phải chịu trách nhiệm chăm lo cuộc sống cho ông T khi còn sống và có trách nhiệm thờ phụng tổ tiên sau khi ông T chết. Tuy nhiên bà H đã không thực hiện đúng trách nhiệm của mình như đã hứa nên năm 2005, ông T đã thông báo cho các con và quyết định bán cho anh Nguyễn Văn H ở khối 10 Thị trấn H một phần đất vườn có diện tích là 861m² với số tiền là 60.000.000đ nhưng anh Hùng mới trả được 50.000.000đ có giấy tờ viết tay do ông T ký và có xác nhận người làm chứng là ông Đặng Hồng Sơn (khôi phó). Năm 2013 ông T chết không để lại di chúc.

Năm 2015, con trai bà H là anh Nguyễn Văn N đã tự ý làm nhà trên đất mà không được sự nhất trí của bốn người con ông T và gia đình bà H đòi chiếm toàn bộ số đất của ông T, kể cả đất đã bán cho anh Hùng. Nay các nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do cha, mẹ để lại là mảnh đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 869793 cấp ngày 26/3/1998, vào sổ cấp giấy CNQSD đất số 141/QSDĐ và nhà gỗ 2 gian trên đất. Các nguyên đơn có nguyện vọng cất 294m² đất để lại làm nhà thờ tổ tiên; giao, trả lại cho anh Nguyễn Văn H với diện tích 861m²; yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn N (con trai bà H) di dời toàn bộ tài sản đã xây dựng trên đất; còn lại phần diện tích 1.621m² đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị K có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung yêu cầu phân chia di sản thừa kế là phần đất của ông T để lại để bà được hưởng 1 phần bằng các người con khác. Hủy bỏ nội dung khởi kiện về đòi lại 861m² để giao trả cho ông Nguyễn Văn H; đồng thời yêu cầu Tòa án

xem xét hủy bỏ giấy mua bán đất giữa ông T và ông Hùng; đề nghị Tòa án xem xét về phần di sản của mẹ là bà Nguyễn Thị L để lại.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Ngày 16/03/2002, cha của bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã viết giấy ủy quyền sử dụng đất vườn cho bà Nguyễn Thị H và chồng là Nguyễn Văn T được quyền sử dụng mảnh vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H869793, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 141-QSĐĐ do UBND huyện H cấp ngày 26/3/1998. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T để lại là hoàn toàn không đúng vì không có tài sản nào để mà chia cho các nguyên đơn. Nay bị đơn yêu cầu Tòa án bác bỏ đơn khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 24/04/2019, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không đồng tình việc khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại và phản bác yêu cầu của anh Hùng, chị Hương trong việc đã mua đất của ông T là không hợp pháp. Quyền sử dụng toàn bộ thửa đất ông T và các con ông T đã thống nhất giao quyền sử dụng lâu dài cho bà H và ông T1 vào năm 2002, nên không còn di sản để chia, việc ông T đã bán đất cho anh Hùng và chị Hương thì trước khi mất, cha đã nói không bán cho ai cả. Do vậy việc mua bán đất của ông Hùng, đề nghị Tòa giải quyết việc này theo đúng thực tế, vì ngày 16/03/2002 ông Nguyễn Văn T và tất cả những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ bên ngoại đã viết giấy ủy quyền sử dụng đất vườn và ký vào giấy để giao quyền sử dụng đất lâu dài cho bà H ông T1 sử dụng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N trình bày:* Năm 2013, ông ngoại là ông Nguyễn Văn T mất. Đến năm 2015, cha mẹ anh là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T ở xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho anh Nguyên một phần đất làm nhà để ở bên cạnh nhà ông T và giao cho anh có trách nhiệm trông nom nhà của ông T (nay là nhà thờ). Anh Nguyên ở trên đất ổn định từ năm 2015 đến nay thì nhận được văn bản của Tòa mới biết các con ông T khởi kiện mẹ của anh là bà H để đòi chia đất thừa kế. Anh Nguyên thấy việc này là vô lý vì nghe nói ông ngoại đã cho cha mẹ mảnh vườn này nên không ai có quyền chia nữa. Vì vậy yêu cầu Tòa bảo vệ quyền và lợi ích của cha, mẹ anh đối với mảnh vườn như di sản của ông T để lại.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H trình bày:*

Anh Hùng và chị Hương biết hiện nay các con ông T làm đơn yêu cầu chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật nên anh Hùng, chị Hương làm đơn yêu cầu các con ông T giao lại diện tích đất mà ông T đã bán, chuyển nhượng cho anh Hùng vào năm 2005 với diện tích đất là 861m², nằm trong tổng diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T, sau khi có kết quả thẩm định và tại phiên tòa, diện tích thực tế đo được là 927m² nên ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án căn cứ diện tích đất đã được thẩm định với diện tích là 927m².

Tại Bản án số 13/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng Điều 117, 119, 129, 166, 500, 501; 568; 609; 611; 623; 649; 650; 651,

565,658 và điểm b, khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 147, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, 3 Điều 24; điểm a, b khoản 7 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của 3 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H1.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H.

3. Chấp nhận phần yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. Bác phần yêu cầu về việc đòi lại phần đất ông T đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và yêu cầu hủy bỏ giấy chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn H.

- Giao phần đất ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H vào năm 2005 cụ thể có tứ cận như sau: Phía Nam giáp đất vườn ông Long có chiều dài 44m; Phía bắc giáp đất vườn ông T để lại có chiều dài 46,5m; Phía tây giáp đường Phan đình Giót có chiều dài 20,5m; Phía Đông giáp đất UBND thị trấn H quản lý có chiều dài 20,5m. Tổng diện tích 927,0m². *(Cụ thể có sơ đồ thẩm định kèm theo).*

- Buộc ông Nguyễn Văn H phải giao lại khoản tiền trước đây mua của ông Nguyễn Văn T còn thiếu là 10.000.000đ cho bà H, bà H1, bà K, bà B, bà T mỗi người được nhận 2.000.000đ từ ông Nguyễn Văn H.

- Giao phần diện tích đất 438m² (trong đó có 100m² đất ở) và 01 ngôi nhà của ông Nguyễn Văn T để lại có vị trí tứ cận như sau: Phía Nam giáp đất được giao cho ông Nguyễn Văn Hùng có chiều dài 46,5m; Phía bắc giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị H có chiều dài 47,9m; Phía tây giáp đường Phan đình Giót có chiều dài 8,3m; Phía Đông giáp đất UBND thị trấn H quản lý có chiều dài 10,3m cho bà Nguyễn Thị H1 sử dụng; bà Nguyễn Thị H1 phải phụ chia bằng tiền cho các đồng thừa kế khác gồm: bà T, bà H, bà K, bà B mỗi người được nhận là: 28.503.113đ (Hai mươi tám triệu năm trăm linh ba nghìn một trăm mười ba đồng). *(Cụ thể có sơ đồ thẩm định kèm theo).*

- Giao diện tích đất 791,4m² (trong đó có 200m² đất ở) hiện anh Nguyễn đang ở cho bà Nguyễn Thị H, có vị trí tứ cận như sau: Phía nam giáp đất được giao cho bà Nguyễn Thị H1 có chiều dài 47,9m; Phía bắc giáp phần đất của ông Võ Văn Hà có chiều dài 50,0m; Phía tây giáp đường Phan đình Giót có chiều dài 16,2m; Phía Đông giáp đất UBND thị trấn H quản lý có chiều dài 16,2m. Bà H phải phụ chia bằng tiền cho các đồng thừa kế gồm bà T, bà H1, bà K, bà B mỗi người được nhận là 32.884.964đ (ba mươi hai triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng) *(Cụ thể có sơ đồ thẩm định kèm theo).*

4. Về phần tài sản trên đất: Buộc anh Nguyễn Văn N di dời toàn bộ các tài sản cây cối trồng trên phần đất 927,0m² được giao cho ông Nguyễn Văn H để bàn giao đất cho ông Nguyễn Văn H sử dụng.

Các tài sản còn lại nằm trên phần đất được chia giao cho bà Nguyễn Thị Hương và bà Nguyễn Thị H1 các đương sự không yêu cầu chia nên bà H và bà H1 được quyền sử dụng.

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H có quyền trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 09/12/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, bị đơn bà Nguyễn Thị H và người liên quan ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi xem xét đề nghị thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án đã nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, sự thỏa thuận của các đương sự và người đại diện theo ủy quyền của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, Tòa án sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại Điều 26 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T được nhận diện tích $927m^2$ đất vườn thừa kế của ông Nguyễn Văn T (trị giá $927m^2 \times 41.300đ/1m^2 = 38.285.100đ$) tại tổ dân phố 13 thị trấn H, huyện H, Hà Tĩnh. Phần đất này chị H1, chị B, chị K, chị T giao lại cho anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị H, đất có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Nam giáp đất vườn ông Long có chiều dài 44m; phía Bắc giáp vườn ông T để lại có chiều dài 46,5m; phía Tây giáp đường Phan Đình giót có chiều dài 20,5m; phía Đông giáp đất UBND thị trấn H quản lý có chiều dài 20,5m.

Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H có nghĩa vụ giao lại khoản tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trước đây ông Hùng, bà Hương mua vườn của

ông Nguyễn Văn T còn thiếu cho bà H, bà H1, bà K, bà B, bà T để 05 chị em góp số tiền này vào làm nhà thờ bố mẹ.

- Giao cho các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T được quyền sử dụng chung 438m² trong đó có 100m² đất ở tại tổ dân phố 13 thị trấn H, huyện H, Hà Tĩnh (trị giá $338m^2 \times 41.300đ/1m^2 + 100m^2 \times 700.000đ/1m^2 = 20.959.400đ$) và 01 ngôi nhà khung gỗ mít (trị giá 43.275.166đ) tổng trị giá 64.234.566đ do ông Nguyễn Văn T (bỏ để các đồng thừa kế) để lại để xây dựng nhà thờ có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Nam giáp đất được giao cho ông Nguyễn Văn H có chiều dài 46,5m; Phía Bắc giáp phần đất cho bà Nguyễn Thị H có chiều dài 47,9m; phía Tây giáp đường Phan Đình Giót có chiều dài 8,3m; phía Đông giáp đất UBND thị trấn huyện H quản lý có chiều dài 10,3m.

- Giao cho bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn N quản lý và sử dụng diện tích 791,4m² đất trong đó có 200m² đất ở tại tổ dân phố 13 thị trấn H, huyện H, Hà Tĩnh (trị giá $591,4m^2 \times 41.300đ/1m^2 + 200m^2 \times 700.00đ/1m^2 = 38.424.820đ$) và 01 ngôi nhà hiện anh Nguyễn Văn N đang ở có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Nam giáp đất được giao cho các đồng thừa kế có chiều dài 47,9m; phía Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn Hà có chiều dài 50m; phía Tây giáp đường Phan Đình Giót có chiều dài 16,2m; phía Đông giáp đất Ủy ban nhân dân thị trấn H quản lý có chiều dài 16,2m.

Phần diện tích 300m² đất vườn trong tổng diện tích 791,4m² đất giao cho bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn N quản lý sử dụng (diện tích này được tính từ mép nhà phía bắc mà anh Nguyễn Văn N đang ở đến giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Hà có chiều giáp đường Phan Đình Giót 06m, chiều sâu 50m), phần đất này các bên đương sự thống nhất tính theo giá đất vườn mà Hội đồng định giá tại cấp sơ thẩm đã định giá là 12.390.000 đồng (cụ thể: $41.300 \text{ đồng}/m^2 \times 300m^2 = 12.390.000 \text{ đồng}$). Bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm đưa lại số tiền 12.390.000 đồng này cho các đồng thừa kế để các đồng thừa kế đưa vào sửa chữa, xây dựng, tôn tạo nhà thờ.

- Về phần tài sản trên đất: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản cây cối trồng trên phần đất được giao cho anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị H để bàn giao đất cho anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H sử dụng.

Các tài sản còn lại nằm trên phần đất được chia cho các đồng thừa kế, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn N và các đồng thừa kế không yêu cầu chia nên các đồng thừa kế, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N được quyền sử dụng.

Bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H có quyền trực tiếp đến các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm; Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T được nhận diện tích $927m^2$ đất vườn thừa kế của ông Nguyễn Văn T (trị giá $927m^2 \times 41.300đ/1m^2 = 38.285.100đ$) tại tổ dân phố 13 thị trấn H, huyện H, Hà Tĩnh. Phần đất này chị H1, chị B, chị K, chị T giao lại cho anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị H, đất có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Nam giáp đất vườn ông Long có chiều dài 44m; phía Bắc giáp vườn ông T để lại có chiều dài 46,5m; phía Tây giáp đường Phan Đình giót có chiều dài 20,5m; phía Đông giáp đất UBND thị trấn H quản lý có chiều dài 20,5m.

Ông Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H có nghĩa vụ giao lại khoản tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trước đây ông Hùng, bà Hương mua vườn của ông Nguyễn Văn T còn thiếu cho bà H, bà H1, bà K, bà B, bà T để 05 chị em góp số tiền này vào làm nhà thờ bố mẹ.

- Giao cho các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T được quyền sử dụng chung $438m^2$ trong đó có $100m^2$ đất ở tại tổ dân phố 13 thị trấn H, huyện H, Hà Tĩnh (trị giá $338m^2 \times 41.300đ/1m^2 + 100m^2 \times 700.000đ/1m^2 = 20.959.400đ$) và 01 ngôi nhà khung gỗ mít (trị giá 43.275.166đ) tổng trị giá 64.234.566đ do ông Nguyễn Văn T (bỏ để các đồng thừa kế) để lại để xây dựng nhà thờ có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Nam giáp đất được giao cho ông Nguyễn Văn H có chiều dài 46,5m; Phía Bắc giáp phần đất cho bà Nguyễn Thị H có chiều dài 47,9m; phía Tây giáp đường Phan Đình Giót có chiều dài 8,3m; phía Đông giáp đất UBND thị trấn huyện H quản lý có chiều dài 10,3m.

- Giao cho bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn N quản lý và sử dụng diện tích $791,4m^2$ đất trong đó có $200m^2$ đất ở tại tổ dân phố 13 thị trấn H, huyện H, Hà Tĩnh (trị giá $591,4m^2 \times 41.300đ/1m^2 + 200m^2 \times 700.00đ/1m^2 = 38.424.820đ$) và 01 ngôi nhà hiện anh Nguyễn Văn N đang ở có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Nam giáp đất được giao cho các đồng thừa kế có chiều dài 47,9m; phía Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn Hà có chiều dài 50m; phía Tây giáp đường Phan

Đình Giót có chiều dài 16,2m; phía Đông giáp đất Ủy ban nhân dân thị trấn H quản lý có chiều dài 16,2m.

Phần diện tích 300m² đất vườn trong tổng diện tích 791,4m² đất giao cho bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn N quản lý sử dụng (diện tích này được tính từ mép nhà phía bắc mà anh Nguyễn đang ở đến giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Hà có chiều giáp đường Phan Đình Giót 06m, chiều sâu 50m), phần đất này các bên đương sự thống nhất tính theo giá đất vườn mà Hội đồng định giá tại cấp sơ thẩm đã định giá là 12.390.000 đồng (cụ thể: 41.300 đồng/m² x 300m² = 12.390.000 đồng). Bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm đưa lại số tiền 12.390.000 đồng này cho các đồng thừa kế để các đồng thừa kế đưa vào sửa chữa, xây dựng, tôn tạo nhà thờ.

- Về phần tài sản trên đất: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản cây cối trồng trên phần đất được giao cho anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị H để bàn giao đất cho anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H sử dụng.

Các tài sản còn lại nằm trên phần đất được chia cho các đồng thừa kế, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn N và các đồng thừa kế không yêu cầu chia nên các đồng thừa kế, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N được quyền sử dụng.

Bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H có quyền trực tiếp đến các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Về án phí, chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 147, Điều 148, 157 BLTTDS, Điều 26, khoản 7 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH, xử:

3.1. Án phí sơ thẩm: Các bà: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T phải chịu 4.483.380đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001402 ngày 26/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, còn phải nộp tiếp 4.183.380đ. Bà Nguyễn Thị H và anh Anh Nguyễn Văn N phải chịu 2.563.345đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001407 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T tự nguyện chịu chi phí thẩm định và định giá (đã nộp đủ).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H kháng cáo mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà các đương sự đã nộp theo các biên lai số 0001491, 001489, 001490 ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm

trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông